

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 02-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10/11/2020 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 1055/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6208/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2021/QĐ-PT ngày 11/01/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 17/6V ấp Chánh Q, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 17/6V ấp Chánh Q, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Cáp Chiến T của Trung tâm Tư vấn pháp luật Hội luật gia Huyện H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, vào năm 2006 ông và bà Nguyễn Thị Thanh T đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 28/8/2006.

Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái cũng như các vấn đề khác dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên đã phải sống ly thân từ tháng 09 năm 2019 để hai bên suy nghĩ. Trong thời gian ly thân ông P, bà T không còn tình cảm yêu thương, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông P nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể cải thiện được nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T. Việc bà T cho rằng ông P có người phụ nữ khác bên ngoài là hoàn toàn không đúng.

Về con chung: Ông P và bà Nguyễn Thị Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/10/2007. Ông yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Bảo N, giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Bảo H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn bà T đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng P.

Bà T và ông P chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, do ông P có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng vì thương con, thương chồng nên bà T chấp nhận tha thứ, vợ chồng hàn gắn, sống hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2019 thì bà phát hiện ông P có người thứ 3 bên ngoài, tháng 9/2019 thì ông P chuyển ra ngoài sống riêng. Tuy nhiên bà T nhận thấy vẫn còn yêu thương chồng, con, mong muốn gia đình được đoàn tụ nên bà T không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/10/2007. Trong trường hợp ly hôn thì bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 10.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 1055/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ các

Điều 28, 35, 39; 147; 186; 203; 235; 264; 266 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82; 83, 84; 107; 116; 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, tiền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2/ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/10/2007. Ông Nguyễn Hoàng P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 10.000.000đồng/tháng. Thời gian thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Bảo H, trẻ Bảo N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Nếu ông Nguyễn Hoàng P không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự tổ chức thi hành buộc ông P thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo xin được đoàn tụ gia đình.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Cáp Chiến T trình bày:

Việc kháng cáo của bà T là có cơ sở vì ông P xin ly hôn nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, bà T xin đoàn tụ vì bà chứng minh được vợ chồng không có mâu thuẫn như lời ông P trình bày, ông P muốn ly hôn vì có người phụ nữ khác bên ngoài. Bản án sơ thẩm không làm rõ nguyên nhân dẫn đến ly hôn. Việc ông P có người thứ 3 nên dẫn đến ông P quyết liệt xin ly hôn. Xét thấy, những mâu thuẫn này không trầm trọng, bà T

cũng có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn bằng cách thường xuyên đưa con đến thăm ông P. Từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng chỉ không sống chung chứ không ly thân, bà T vẫn còn thương yêu ông P, mong muốn được đoàn tụ gia đình là yêu cầu chính đáng của bà T phải được pháp luật hôn nhân gia đình bảo vệ. Cấp sơ thẩm có phán quyết cho bà T ly hôn với ông P là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

Về cấp dưỡng nuôi con, ở cấp sơ thẩm bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/1 tháng và yêu cầu buộc ông P cấp dưỡng hết một lần cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tòa án sơ thẩm không xem xét yêu cầu này là vi phạm tố tụng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà T còn trong hạn luật định nên được xem xét.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét thấy, bà T muốn đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, giữa các đương sự không tìm được tiếng nói chung, mỗi người sống mỗi nơi. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải yêu thương, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau và có nghĩa vụ sống chung với nhau. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm đã cho ông P ly hôn với bà T là có cơ sở pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo xin đoàn tụ gia đình. Các quyết định khác của án sơ thẩm bà T không kháng cáo nên có hiệu lực thi hành.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2006 ngày 28/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Thanh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T về việc không đồng ý ly hôn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông P và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Bà T xin đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp khắc phục và hàn gắn mâu thuẫn. Qua đó, cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông P cho ly hôn với bà T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Có 02 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/10/2007. Ghi nhận việc ông P đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

[5] về tiền cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên Tòa phúc thẩm, bà Thảo yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là 10.000.000 đồng/ tháng và cấp dưỡng hết một lần cho đến khi các con trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy ông P hiện có việc làm ổn định nhưng mức thu nhập của ông P chỉ đủ đảm bảo để ông P cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Bà T yêu cầu cấp dưỡng một lần nhưng không có chứng cứ chứng minh ông P có đủ khả năng kinh tế cấp dưỡng hết một lần, ông P cũng không đồng ý với yêu cầu này của bà T. Tại các biên bản hòa giải ngày 10/8/2020, ngày 19/8/2020 và ngày 08/9/2020 bà T có ý kiến đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến gì khác. Do đó, cần giữ nguyên mức cấp dưỡng tiền nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng.

[6] Về thời gian thi hành tiền cấp dưỡng :

Cấp sơ thẩm quyết định thời gian thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi là chưa chính xác. Căn cứ Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự cần điều chỉnh lại cho chính xác hơn: Thời gian được thực hiện kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/9/2020 cho đến khi trẻ Bảo H, trẻ Bảo N trưởng thành đủ 18 tuổi. Cấp sơ thẩm cần xem xét rút kinh nghiệm.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 58; 81; 82; 83, 84; 107; 116; 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1055/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/10/2007. Ông Nguyễn Hoàng P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 10.000.000đồng/ tháng. Thời gian thi hành kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/9/2020) cho đến khi trẻ Bảo H, trẻ Bảo N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Nếu ông Nguyễn Hoàng P không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự tổ chức thi hành buộc ông P thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có lý do

chính đáng, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Nguyễn Hoàng P chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0078016 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hoàng P còn phải nộp thêm số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Thanh T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0076271 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện H, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên